

**DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ HỦY HỌC PHẦN DO NỢ HỌC PHÍ
HK3(2022-2023)**

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã LHP	Tên HP	Lớp BD	Số tiền HP
1	2105130055	BÙI MINH TUẤN	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	21ĐHTĐ01	620,000
2	1951010422	TRẦN ĐỨC THẮNG	010100017902	Quản trị thương mại Cảng HK	19ĐHQTC2	930,000
3	1551010066	TRẦN THỊ THU HÀ	010100049301	Anh văn chuyên ngành III	QTKDVTHK1-K9	930,000
4	2153410159	NGUYỄN NGỌC NHẬT VY	010100052401	Lịch sử Đảng	21ĐHNATM	620,000
5	2154810049	VŨ THỊ THUYẾT	010100052407	Lịch sử Đảng	21ĐHTT01	620,000
6	2138420001	Đặng Thị Phương Thảo	010200001301	Pháp luật hàng không	21ĐVKL01	1,160,000
7	2138420002	Nguyễn Bá Tú	010200001301	Pháp luật hàng không	21ĐVKL01	1,160,000
8	2138420004	Nguyễn Minh Thông	010200003601	Dịch vụ không lưu	21ĐVKL01	1,740,000
9	2031010029	Nguyễn Đăng Hương Giang	010200012201	Quản trị thương hiệu	20ĐVQT01	930,000
10	2133410017	Lê Thị Mai Thảo	010200012201	Quản trị thương hiệu	21ĐVQT01	930,000
11	2031010029	Nguyễn Đăng Hương Giang	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp	20ĐVQT01	930,000
12	2031010004	Vũ Thành Công	010200013201	Marketing hàng không	20ĐVQT01	930,000
13	2031010029	Nguyễn Đăng Hương Giang	010200013201	Marketing hàng không	20ĐVQT01	930,000
14	2031010004	Vũ Thành Công	010200014001	Vận tải hàng hóa HK	20ĐVQT01	930,000
15	2031010007	Lê Dương Hoàng Hà	010200014001	Vận tải hàng hóa HK	20ĐVQT01	930,000
16	2031010029	Nguyễn Đăng Hương Giang	010200014001	Vận tải hàng hóa HK	20ĐVQT01	930,000
17	1731010019	VŨ ĐỨC CƯỜNG	010200017101	Quản trị tài chính	17ĐVQT01	1,395,000
18	2036060052	Bùi Ngọc Anh	010200052401	Lịch sử Đảng	20ĐVKL01	930,000
19	2133410017	Lê Thị Mai Thảo	010200052401	Lịch sử Đảng	21ĐVQT01	930,000
20	2138420004	Nguyễn Minh Thông	010200052401	Lịch sử Đảng	21ĐVKL01	930,000
21	2138420004	Nguyễn Minh Thông	010200067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	21ĐVKL01	1,740,000
22	2036060028	Phạm Thị Kim Hương	010200082001	Dẫn đường hàng không	20ĐVKL01	1,740,000
23	2138420001	Đặng Thị Phương Thảo	010200082001	Dẫn đường hàng không	21ĐVKL01	1,740,000
24	2138420002	Nguyễn Bá Tú	010200082001	Dẫn đường hàng không	21ĐVKL01	1,740,000
25	2138420004	Nguyễn Minh Thông	010200082001	Dẫn đường hàng không	21ĐVKL01	1,740,000
26	2051200007	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	010800069301	Tiếng Anh chuyên ngành I - KTHK	20ĐHKT01	1,245,000
27	2051200026	ĐINH THẾ CƯỜNG	010800069301	Tiếng Anh chuyên ngành I - KTHK	20ĐHKT01	1,245,000
28	2051200050	TRƯƠNG KHÁ NHÂN	010800069301	Tiếng Anh chuyên ngành I - KTHK	20ĐHKT01	1,245,000
29	2154810049	VŨ THỊ THUYẾT	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	21ĐHTT01	620,000
30	2105130051	LÊ MINH SANG	011100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	21ĐHTĐ01	620,000
31	2053020093	THÁI GIA BẢO	011100006702	Đồ án môn học 2	20ĐHĐT02	830,000
32	1953020005	LÊ HOÀNG ANH	011100015301	Thông tin số	19ĐHĐT01	1,245,000
33	1953020052	TRẦN HỮU ĐỨC	011100015301	Thông tin số	19ĐHĐT02	1,245,000
34	1953020067	TRANG HOÀNG GIA	011100015301	Thông tin số	19ĐHĐT02	1,245,000
35	2053020052	NGUYỄN VĂN KIẾN	011100015301	Thông tin số	20ĐHĐT01	1,245,000
36	1953020005	LÊ HOÀNG ANH	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	19ĐHĐT01	415,000
37	1753020083	TRẦN KIM QUỐC KHÁNH	011100020002	Angten truyền sóng	17ĐHĐT02	1,245,000
38	1953020005	LÊ HOÀNG ANH	011100042803	Thí nghiệm truyền số liệu và mạng máy tính	19ĐHĐT01	830,000
39	2105130055	BÙI MINH TUẤN	011100051305	Thực hành điện tử công suất	21ĐHTĐ01	415,000
40	2113120023	Huỳnh Phan Tường Huy	030100014801	Cơ sở điều khiển tự động	21CĐĐV01	795,000
41	2113120023	Huỳnh Phan Tường Huy	030100016501	PLC	21CĐĐV01	795,000
42	2113120023	Huỳnh Phan Tường Huy	030100020001	Angten truyền sóng	21CĐĐV01	530,000
43	1911150048	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	030100030002	Điện văn hành khách và hành lý	19CĐTM01	675,000
44	1911150108	Trần Nguyễn Quỳnh Như	030100030003	Điện văn hành khách và hành lý	19CĐTM03	930,000
45	2011150167	Trần Thanh Vũ	030100030003	Điện văn hành khách và hành lý	20CĐTM01	675,000
46	1911150108	Trần Nguyễn Quỳnh Như	030100033501	Điện văn hàng hóa	19CĐTM03	450,000
47	2011150167	Trần Thanh Vũ	030100033501	Điện văn hàng hóa	20CĐTM01	450,000
48	1911150048	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	030100033502	Điện văn hàng hóa	19CĐTM01	450,000
49	2011150167	Trần Thanh Vũ	030100052002	Phục vụ hành lý	20CĐTM01	450,000
50	2011150167	Trần Thanh Vũ	030100064201	Giấy tờ du lịch	20CĐTM01	450,000
51	1911150048	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	030100064202	Giấy tờ du lịch	19CĐTM01	450,000

52	2053020034	TRƯỜNG PHÚC	ANH	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	20CĐAN01	540,000
53	2113120023	Huỳnh Phan Tường	Huy	030100102301	Lập trình nhúng IOT	21CĐĐV01	795,000
54	2011150167	Trần Thanh	Vũ	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hàng hóa	20CĐTM01	900,000

TP. HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2023
PHÒNG ĐÀO TẠO